

THÀNH TỰU CỦA ĐỔI MỚI VỚI VẤN ĐỀ DÂN CHỦ HÓA TRONG ĐẢNG VÀ TRONG XÃ HỘI

GS, TS HOÀNG CHÍ BẢO*

Thành tựu của đổi mới nói lên sức mạnh và khả năng sáng tạo của quần chúng, sự trưởng thành về năng lực tư duy lý luận và phát triển lý luận cũng như năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng ta. Thành tựu của hơn 20 năm đổi mới có được cũng là nhờ có lực phát động của dân chủ hóa, nhờ đó dân chủ đã thúc đẩy đổi mới và phát triển ở nước ta. Thực tế đã cho thấy, việc đảm bảo và thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là một trong những thành tựu quan trọng và nổi bật của đổi mới.

1. Sự trưởng thành về năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam qua đường lối và những thành tựu của đổi mới

Sự nghiệp đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng khởi xướng và lãnh đạo tròn 1/4 thế kỷ, đã thu được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đó là những chặng đường hết sức quan trọng trong lịch sử đấu tranh kiên cường của Đảng, của dân tộc và nhân dân ta. Mang bản chất giai cấp công nhân, là đội tiên phong của giai cấp đồng thời là đội tiên phong của dân tộc, của nhân dân ta. Đảng đại biểu chân chính cho lợi ích của giai cấp, của dân tộc và của nhân dân, trung thành vô hạn với lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng ta xứng

đáng là một Đảng cách mạng chân chính như Hồ Chí Minh nói. Uy tín và ảnh hưởng xã hội của Đảng ở trong nước và ngoài nước không ngừng được mở rộng và củng cố.

Sức mạnh của Đảng có được chính là sức mạnh từ cơ sở xã hội của Đảng, đó là quần chúng nhân dân đã một lòng tin theo Đảng, ủng hộ Đảng và bảo vệ Đảng, nhất là trong những thời kỳ gian nan, đầy thử thách hiểm nghèo. Có được sức mạnh ấy là do Đảng giữ được mối liên hệ mật thiết với quần chúng, hy sinh phấn đấu vì lợi quyền của quần chúng, tuyệt đại đa số cán bộ đảng viên đã thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu trong các phong trào cách mạng để tập hợp, dẫn dắt và lôi cuốn quần chúng hành động sáng tạo, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên và giành được thắng lợi. Đảng ta lại có chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng, đó là nền tảng tư

* Hội đồng Lý luận Trung ương

tưởng của Đảng, là kim chỉ nam hành động của cách mạng Việt Nam mà Đảng trung thành một cách sáng tạo, bảo vệ và phát triển trong thực tiễn vô cùng phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới suốt 80 năm qua. Coi xây dựng Đảng là khâu then chốt, Đảng đã không ngừng chăm lo sự vững mạnh và tăng cường sức chiến đấu của Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức trong toàn Đảng, từ Trung ương tới cơ sở. Thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đặc biệt coi trọng giữ gìn và phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Đó là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng, là một trong những cội nguồn và nhân tố làm nên sức mạnh, sức chiến đấu của Đảng.

Ngày nay, trong điều kiện phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, trước những biểu hiện suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ đảng viên làm tổn hại tới uy tín và thanh danh của Đảng, Đảng đặc biệt coi trọng xây dựng Đảng về đạo đức và lối sống, kiên quyết đấu tranh với tệ quan liêu tham nhũng, làm cho Đảng *trong sạch vững mạnh* để xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân, xứng đáng là một Đảng lãnh đạo, cầm quyền, Đảng là đạo đức và văn minh như Hồ Chí Minh đã từng chỉ dẫn.

Đôi mới ở Việt Nam, bắt đầu từ những sáng kiến sáng tạo của quần chúng nhân dân ở cơ sở, được Đảng chăm chú tìm tòi, phát hiện, tổng kết thực tiễn và khái quát thành lý luận, để từ đó hình thành đường lối và quyết sách chiến lược đôi mới tại Đại hội VI (1986). Đây thực sự là Đại hội của đôi mới, là một mốc son chói lọi trong lịch sử biên niên của Đảng ta.

Đảng cũng như một cơ thể sống nên trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng, trong đời sống chính trị, cũng có lúc mắc phải những khuyết điểm, sai lầm. Với tất cả tính trung thực cách mạng, với bản lĩnh tự phê phán, dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, tại Đại hội VI Đảng ta đã thừa nhận những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng của mình. Đó là bệnh chủ quan, duy ý chí, “tả” khuynh và giáo điều, làm trái quy luật khách quan. Khi ở vị trí và vị thế cầm quyền, không ít cán bộ đảng viên, tổ chức Đảng và cấp ủy lại xa dân, xa rời thực tiễn cuộc sống nên sai lầm mắc phải đã gây ra những hậu quả tiêu cực phải kiên quyết sửa chữa.

Hãy nhớ lại những nhận định rất sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của các nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng ở vào giai đoạn cuối thế kỷ XX đã qua. Trong *Di chúc*, Bác căn dặn điều đầu tiên là nói về Đảng. Bác dặn phải giữ gìn đoàn kết thống nhất, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, có lý, có tình, có tình thương yêu đồng chí lẫn nhau. Phải thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, phải gương mẫu cho quần chúng noi theo. Phải ra sức chinh đốn Đảng, chống chủ nghĩa cá nhân và thực hành đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải thật sự xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành và tận tụy của nhân dân. Trừ tính ngày tháng lợi của cách mạng miền Nam, thống nhất Tổ quốc sắp đến gần, trong lần sửa chữa cuối cùng bản *Di chúc* lịch sử 1000 từ, Bác sâu sắc, mẫn cảm, trí tuệ và nhân văn biết bao khi căn dặn Đảng, Chính phủ và mỗi chúng ta rằng, phải có kế hoạch thật cụ thể, rõ ràng,

chăm lo phục hồi sản xuất và kinh tế sau chiến tranh, làm hết sức mình để phát triển kinh tế và văn hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần thật chu đáo cho nhân dân, *để tránh rơi vào bị động, thiếu sót và sai lầm...* Và bao nhiêu điều thiết thực, cụ thể, sâu sắc khác được Người viết trong *Di chúc*. Người nhắc nhở: đổi mới như một cuộc đấu tranh, một sự nghiệp lâu dài. Đó là cuộc chiến đấu không lờ giữa những cái tốt tươi, mới mẻ với những cái xấu xa, hư hỏng, lỗi thời. Phải dựa vào dân, tập hợp sức dân, thành phong trào và lực lượng to lớn của dân để dân thực hiện.

Di chúc thực sự là một thiết kế tư tưởng lý luận về đổi mới, là một đại tổng kết lý luận - thực tiễn về cách mạng Việt Nam với tầm nhìn xa trông rộng và hành động sáng tạo của Hồ Chí Minh. Bước vào đổi mới, Đảng ta đã có trong hành trang của mình cầm nang quý báu và kỳ diệu đó. Có thể nói, trước khi ra đi, về với thế giới người hiền, Bác đã chuẩn bị chu đáo về lý luận tổng quát cho chúng ta hành động, thực hành bằng cách phát triển và sáng tạo thêm từ những tư tưởng lớn lao đó.

Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã từng nhấn mạnh: chân lý là cụ thể nên cách mạng phải sáng tạo. Sáng tạo lớn nhất nói ở đây mà Đảng ta đã làm được, đó là *sáng tạo về đường lối và phương pháp của cách mạng Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh*.

Cố Tổng Bí thư Trường - Chinh, người có công lao to lớn đối với công cuộc đổi mới từ nền móng tư tưởng và lý luận tại Đại hội VI, Đại hội mở đầu của đổi mới, cũng từng nói: Cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ rằng, khi nào Đảng ta nêu cao tinh thần độc lập tự chủ

và sáng tạo thì khi ấy cách mạng phát triển thuận lợi và thắng lợi. Khi nào phạm vào giáo điều, chủ quan duy ý chí thì khi ấy cách mạng gặp khó khăn và khó tránh khỏi những sai lầm, những thất bại. Những bài học được Đảng ta tổng kết tại Đại hội VI còn mãi giá trị và tính thời sự của nó. Đó là tôn trọng quy luật khách quan, tôn trọng dân, dân là gốc. Nói về tình cảm và niềm tin của dân đối với Đảng, cố Tổng Bí thư Trường - Chinh nhấn mạnh, mỗi khi Đảng vấp phải khuyết điểm sai lầm, gặp khó khăn, nhân dân vẫn một lòng kiên nhẫn chờ đợi Đảng sửa chữa, ra quyết sách mới đúng đắn để đưa cách mạng tiến lên. Do đó, Đảng và mọi cán bộ đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm cao cả trước dân, làm hết sức mình để xứng đáng với dân, không phụ lòng tin của dân đối với Đảng.

Tinh thần và thái độ tự phê phán nghiêm khắc và thành thật đó được Đảng nêu công khai tại diễn đàn Đại hội đã gây xúc động và tin tưởng lớn cho nhân dân, cho toàn dân tộc. Đây là *khởi đầu* cho đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng thời kỳ đổi mới.

Cũng nên nhớ lại *tình hình và sự kiện* đã xảy ra ở bên thềm đổi mới và những năm đầu gian nan, sóng gió khi đổi mới chỉ vừa mới bắt đầu. Đó là lạm phát phi mã 3 con số, sản xuất đình đốn, lưu thông phân phối ách tắc, tổng điều chỉnh giá - lương - tiền năm 1985 đã làm rối loạn kinh tế, đời sống nhân dân giảm sút nghiêm trọng. Vào lúc đó, nền kinh tế nước ta đã đứng bên bờ vực thẳm của sự sụp đổ, như một nhận định đã đăng trên báo Đảng hồi đó của Võ Tử Thành. Chính đổi mới là quyết sách kịp thời cứu cho đất nước ra khỏi khủng hoảng.

Với đổi mới, bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, Đảng ta đã nêu cao một tư tưởng chiến lược, tập trung mọi nỗ lực *giải phóng sức sản xuất, giải phóng mọi tiềm năng của xã hội*, bằng cách phát triển sản xuất hàng hóa, kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường, chú trọng lợi ích cá nhân của người lao động, coi đó là động lực trực tiếp của phát triển kinh tế và thực hiện lợi ích xã hội, với đột phá từ khoán trong nông nghiệp, tới hộ nông dân. Cùng với giải pháp kinh tế đó, Đảng ta chủ trương thực hiện *dân chủ hóa toàn diện các lĩnh vực của đời sống*, chú trọng đổi mới ở hai lĩnh vực trọng yếu là đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Dân chủ hóa kinh tế và dân chủ hóa chính trị là sức mạnh kinh tế và chính trị để dân chủ hóa đời sống tinh thần xã hội, đảm bảo tự do tư tưởng, giải phóng ý thức xã hội.

Nhờ đó mà xã hội nhanh chóng chuyển trạng thái từ trì trệ sang năng động, từ thụ động chờ bao cấp của Nhà nước và viện trợ nước ngoài sang chủ động tự cứu lấy mình, tự tồn tại và đứng vững trong phát triển.

Chủ trương xóa bỏ triệt để cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và phương thức phân phối bình quân, áp dụng cơ chế thị trường, sử dụng kế hoạch nhà nước từ vĩ mô để điều tiết nhằm giữ vững đảm bảo chính trị cho phát triển kinh tế đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa đã có tác dụng nhanh chóng bởi nó tháo bỏ các lực cản trói buộc và kìm hãm phát triển từ bấy lâu nay. Từ chỗ triển miên thiếu lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng mà thực ra là thừa thiếu giả tạo do thị trường trong nước không

phát triển, nước ta bước vào đổi mới đã nhanh chóng trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới. Có thể nói, những quyết sách đó đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, phù hợp với thực tiễn, được cuộc sống chấp nhận. Về mặt lý luận, đây là *sự thay đổi quan niệm phát triển, thay đổi mô hình phát triển, phương thức phát triển. Nhận thức lý luận mới về chủ nghĩa xã hội* hình thành từ đó. Và, như thực tế đã cho thấy, hơn 20 năm đổi mới, nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã từng bước sáng tỏ cả *định hướng* và *định hình* trong điều kiện quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cũng như trong bối cảnh mới của thế giới và thời đại.

Đó là biểu hiện nổi bật về trình độ tư duy lý luận và sự trưởng thành về lý luận của Đảng. Một tình huống vô cùng phức tạp và khó khăn đối với Đảng ta khi mới bước vào đổi mới là sự đổ vỡ đồng loạt thể chế xã hội chủ nghĩa từ Liên Xô tới Đông Âu. Các Đảng Cộng sản ở vùng địa chính trị quan trọng này mất vai trò cầm quyền, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, cách mạng lâm vào thoái trào, lịch sử ở một bước rẽ ngoặt, một khúc quanh phức tạp chưa từng thấy. Đó là kết cục của khủng hoảng mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực Xô Viết đã không giải quyết được. Cải tổ lại phạm những sai lầm chính trị, mất phương hướng, các thế lực đế quốc chủ nghĩa và chống Cộng thực hiện âm mưu thâm độc chống chủ nghĩa xã hội từ lâu, đã áp dụng chiến lược “diễn biến hòa bình”, chuyển vào trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa thành tự “diễn biến hòa bình”.

Chúng đã thành công với kịch bản ấy tại Liên Xô và Đông Âu. Sau đó, cách mạng Việt Nam trở thành trọng điểm phản kích của chúng. Vào lúc đó, cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta đang rất gay gắt, ta lại mất hết thị trường và các bạn hàng truyền thống, *cũng không còn các khoản viện trợ không hoàn lại rất lớn của quốc tế từ bấy lâu nay*. Tình huống ấy đặt Đảng ta và nhân dân ta trước sự lựa chọn: Tồn tại hay không tồn tại?

Chính đổi mới đã giúp cho Đảng và nhân dân ta vượt thoát và thoát hiểm.

Đảng ta đã nhờ kinh nghiệm tích lũy trong lịch sử chiến tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới mà dạn dày kinh nghiệm, được tôi luyện về bản lĩnh chính trị nên đã *giữ vững nguyên tắc và phương hướng chính trị*, không phạm vào sai lầm tự sát như Lenin nói, như đã xảy ra trong cái tổ ở Liên Xô, Đông Âu.

Đổi mới ở Việt Nam là sự đón kịp thời cơ, vận hội phát triển và vượt qua thách thức nghiệt ngã trên con đường phát triển. Đường lối đổi mới nhanh chóng đi vào cuộc sống, bắt gặp nhanh chóng giữa tư tưởng, đường lối của Đảng với ý nguyện, mong đợi từ lâu của dân chúng, tạo nên thống nhất nhận thức, thống nhất hành động, từ Đảng đến dân, đi vào mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương và cơ sở, đến mọi nhà, mọi người. Sức mạnh cố kết, đồng thuận đó đã tạo nên bước phát triển nhanh chóng và thành tựu to lớn của đổi mới. Trong hoàn cảnh khó khăn, phức tạp của tình hình quốc tế, thế giới và trong nước, Đảng đã xác định *đường lối đổi mới có nguyên tắc*, kiên trì

lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định sự lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đó là nhân tố quyết định thắng lợi. Đường lối đó còn định rõ, đoạn tuyệt với mô hình cũ, xóa bỏ cơ chế cũ, tìm tòi xác lập mô hình mới, đi vào kinh tế thị trường, tôn trọng quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật thị trường, kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, thực hiện mục tiêu đổi mới dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lấy con người làm mục tiêu và động lực phát triển, vì cuộc sống và hạnh phúc của dân. Định hướng đúng đắn đó vừa hợp quy luật khách quan lại thuận lòng dân nên dân ủng hộ.

Với đổi mới, Đảng ta cũng chuyển từ quan niệm phát triển đơn tuyến, tuyến tính, thường chỉ trong một hệ thống (xã hội chủ nghĩa), lại khép kín, đóng cửa sang mở cửa, hợp tác, cạnh tranh, chủ động tích cực hội nhập quốc tế, phá được thế bao vây, cấm vận. Học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh “thêm bạn bớt thù”, Đảng ta thực hành đường lối đối ngoại và chính sách ngoại giao thân thiện, cởi mở, hợp tác song phương, đa phương, làm bạn với tất cả các nước, khai thác nội lực, khai thông ngoại lực hướng vào phát triển và phát triển bền vững. Quyết sách đó phù hợp với thế giới và thời đại. *Đúng*

quy luật, thuận lòng dân, hợp thời đại - đó là nét đặc trưng trong tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta vận dụng.

Đảng ta cũng đã giải quyết thành công về *bước đi* trong đổi mới. Đó là đổi mới kinh tế là trọng tâm, là trước hết và chủ yếu, đổi mới chính trị, hệ thống chính trị thận trọng, từng bước, trên cơ sở đổi mới kinh tế có hiệu quả, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Chỉ như vậy mới có thể làm tăng sức thuyết phục xã hội và sự hậu thuẫn của dân khi bước vào đổi mới chính trị. Đây là vấn đề rất phức tạp, thường đồ vỡ, không mấy nước thành công. Vì thế đổi mới chính trị và hệ thống chính trị phải rất thận trọng và Đảng ta đã bước đầu giải quyết thành công. Ở giai đoạn sau, khi kinh tế thị trường ở nước ta bước vào định hình, *thành một nền kinh tế*, lại hướng tới kinh tế tri thức và nước ta đã chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị phải nâng tới một trình độ cao hơn, có hiệu quả rõ rệt hơn, do đó cần phải đồng bộ, chú trọng cải cách thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền, đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội, nhất là thực hành dân chủ trong Đảng để thúc đẩy thực hành dân chủ trong xã hội, xây dựng nền hành chính công minh bạch, thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và phục vụ nhu cầu xã hội của dân chúng, thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Trong việc xử lý các mối quan hệ trong đổi mới, Đảng ta đã quan tâm tổng kết thực tiễn, từ thực tiễn mà làm sáng tỏ lý luận về những mối quan hệ bản chất:

- Quan hệ giữa ổn định với đổi mới và phát triển, lấy ổn định chính trị *tích cực* làm tiền đề và điều kiện để thúc đẩy đổi mới, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Quan hệ đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển, kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội trong từng bước đi, trong từng chính sách.

- Quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tiềm lực quốc phòng và giữ vững chủ quyền, an ninh quốc gia.

- Quan hệ giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

- Quan hệ giữa phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

- Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ...

Nhờ giải quyết đúng đắn các vấn đề lý luận và thực tiễn đổi mới mà qua 1/4 thế kỷ, chúng ta đã tạo lập *chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng, xã hội từng bước đạt được công bằng, dân tộc đoàn kết và đồng thuận hướng tới phát triển*. Đó là một thành công to lớn, tỏ rõ sự trưởng thành về năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng.

2. Dân chủ hóa trong Đảng và trong xã hội - Thành tựu và những vấn đề đang đặt ra

Quá trình đổi mới tư duy, giải phóng tư tưởng, ý thức xã hội, cổ vũ tinh thần tôn trọng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật là

một mình chứng rõ rệt về chuyển động tích cực của dân chủ. Nhờ đó, con người, từ cán bộ đảng viên công chức đến người dân đều có quyền nói rõ sự thật, bày tỏ quan điểm, chính kiến của mình, bày tỏ thái độ phê phán với những sai trái, bất công, những hành vi cố ý làm trái, độc đoán chuyên quyền, quan liêu hách dịch xa dân, những nhiễu gây phiền hà cho dân, lợi dụng và lạm dụng chức quyền để tham nhũng, gây hại cho dân, cho Đảng và cho Nhà nước. Dự luận xã hội tích cực cũng hình thành và mở rộng, tạo áp lực đối với những vi phạm dân chủ, cả những hành vi lợi dụng dân chủ, quyền tự do dân chủ để thực hiện những ý đồ xấu phá hoại sự nghiệp đổi mới bằng cách gây rối loạn, mất ổn định. Nhà nước do Đảng lãnh đạo đã không ngừng có những chỉnh đốn và cải cách, bổ sung, phát triển và hoàn thiện thể chế luật pháp, ban hành nhiều đạo luật mới cần áp dụng trong nền kinh tế thị trường, vì mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Các vụ án được xét xử công khai và nghiêm trị những hành vi phạm tội, thực hiện nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Xét xử đúng người, đúng tội, trừng trị theo đúng luật pháp, không có phân biệt đối xử. Đó cũng là một bước tiến của dân chủ hóa cả trong lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Quản lý nhà nước theo luật, đó là đòi hỏi tất yếu, đương nhiên của nhà nước pháp quyền. Đảng ta lại nhấn mạnh dân chủ trong hệ mục tiêu của đổi mới, trong xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị để xây dựng và phát triển nền

dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thực chất quyền làm chủ của nhân dân.

Việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, phương thức bình quân trong phân phối và bao cấp để chuyển sang cơ chế thị trường cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một bước tiến rất căn bản trên con đường dân chủ hóa xã hội. Nhờ đó, với sức mạnh của dân chủ hóa và lực đẩy của kinh tế thị trường, việc tạo ra cơ hội phát triển cho tất cả mọi người, hình thành nhận thức *công bằng về cơ hội phát triển, công bằng cho mọi người* là một phát triển lý luận quan trọng về dân chủ, tự do, công bằng và bình đẳng ở nước ta.

Nhờ phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, khuyến khích làm giàu hợp pháp, thừa nhận sự tồn tại bình đẳng mọi thành phần kinh tế, thực hiện nguyên tắc đối với mọi *công dân* “được phép làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm”, và với *công chức* “được làm những gì mà luật pháp cho phép”, ngay *đảng viên*, Đảng cũng cho phép làm kinh tế tư nhân... mà xã hội đã có những bước chuyển khác xa so với thời kỳ trước đổi mới. Đây là những bước chuyển tích cực, phù hợp với phát triển, là kết quả của dân chủ hóa, nhất là dân chủ hóa kinh tế và chính trị. Trong bầu không khí cởi mở, môi trường xã hội dân chủ, ai ai cũng nhận được từ xã hội những cơ hội phát triển như nhau.

Việc thảo luận tranh luận tự do dân chủ, biết lắng nghe, biết tôn trọng và chấp nhận những ý kiến khác biệt, miễn là không đi ngược lại lợi ích chung của xã hội, không vi phạm hiến pháp, pháp luật, không phải là hành vi chống chế

độ... đều được khuyến khích. Nhờ đó, sự phát triển tích cực và lành mạnh trong nghiên cứu lý luận và khoa học nói chung đã góp phần nâng cao tiềm lực tư tưởng, trí tuệ của Đảng, nâng cao nhận thức xã hội, tạo được sự thống nhất nhận thức và hành động của xã hội nhờ dân chủ, đoàn kết và đồng thuận.

Một trong những thành tựu quan trọng của quá trình vận động dân chủ hóa xã hội và thực hiện dân chủ ở nước ta trong đổi mới là việc Đảng ra chỉ thị, Quốc hội ra Nghị quyết và Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, nhất là ở nông thôn (xã), từ năm 1998. Gần đây, Quốc hội ban hành pháp lệnh dân chủ cơ sở (2007) làm tăng hiệu lực pháp lý của quy chế. Hội nghị Trung ương 3 (Khóa X) đã ra Nghị quyết về phòng, chống tham nhũng. Quốc hội đã ban hành *Luật chống tham nhũng* thay cho pháp lệnh xử lý tham nhũng trước đây.

Vấn đề kiểm tra, giám sát được đề cao cùng với phản biện xã hội, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong hệ thống chính trị trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, đảm bảo cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị đi đúng quỹ đạo pháp luật, *hợp hiến, hợp pháp*, nâng cao ý thức trách nhiệm *trọng dân, trọng pháp* trong đội ngũ cán bộ đảng viên và công chức, ở tất cả các cấp từ Trung ương tới địa phương và cơ sở. Thực hiện những nghị quyết, chỉ thị và đạo luật quan trọng đó chính là từng bước xây dựng xã hội ta thành một xã hội dân chủ, nâng cao địa vị và năng lực làm chủ của người dân.

Dân chủ hóa xã hội đã có những bước tiến thực tiễn rõ rệt, cùng với điều đó là việc thực hiện dân chủ hóa trong Đảng, thực hành dân chủ trong Đảng, đề cao trách nhiệm của Đảng viên, của cấp ủy, nhất là người đứng đầu cấp ủy. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, Đảng ta đã chú trọng phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa Đảng với Nhà nước, thực hiện chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về dân chủ tập trung (hay tập trung dân chủ), đề cao tự phê bình và phê bình, xây dựng *phương pháp lãnh đạo dân chủ, phong cách dân chủ trong Đảng*, trong thảo luận, tranh luận, trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, chú trọng kiểm tra, giám sát từ dưới lên, từ trên xuống, chú trọng giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, chú trọng học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và trong xã hội, chú trọng tinh tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên.

Sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, nhờ có dân chủ mà được tăng cường, đó là một đảm bảo quan trọng để thống nhất nhận thức, ý chí và hành động trong Đảng, đảm bảo cho Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo, cầm quyền trong xã hội.

Thành tựu đó cần phải được củng cố và phát huy. Mặc dù vậy, những yếu kém, hạn chế về dân chủ hóa, thực hiện dân chủ trong xã hội và trong Đảng còn không ít, cần phải được nhanh chóng khắc phục.

Chính những hạn chế, yếu kém này đã hạn chế thành tựu và bước tiến của đổi mới, của phát triển ở nước ta mà trách nhiệm trước hết thuộc về Đảng.

Có những vấn đề gì đang đặt ra?

Thứ nhất, tình trạng vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của dân, *nhất là ở cơ sở*, đặc biệt ở cơ sở nông thôn còn nặng nề.

Nó liên quan tới việc thực hiện không nghiêm túc quy chế, pháp lệnh dân chủ cơ sở, nhất là ở những nơi mà tổ chức Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị cơ sở yếu kém, rệu rã, mất sức chiến đấu, uy tín và ảnh hưởng của Đảng trong dân thấp, do không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất.

Thứ hai, dân chủ hình thức cũng còn khá phổ biến ở nhiều nơi, ngay cả trong các cơ quan khoa học, các cơ quan tư vấn, tham mưu cho Đảng. Cùng với dân chủ hình thức còn là những biểu hiện cục bộ, địa phương chủ nghĩa, bè phái, mất đoàn kết làm giảm sức chiến đấu, tính thống nhất trong ý chí và hành động... Thói tự do vô chính phủ, lộng quyền, lạm quyền vẫn chưa được khắc phục.

Thứ ba, kiểm tra giám sát không thường xuyên, còn nặng về hình thức, xử lý không nghiêm khắc và nghiêm minh làm hạn chế tác dụng, thiếu sức thuyết phục đối với quần chúng và xã hội.

Thứ tư, chế độ trách nhiệm không rõ ràng, thiếu các chế tài xử lý nên tình trạng tiêu cực *chậm* và *khó* được khắc phục, dễ rơi vào chủ nghĩa hình thức, làm suy yếu Đảng.

Thứ năm, chất lượng cán bộ còn nhiều hạn chế bất cập so với yêu cầu. Công tác tổ chức và cán bộ vẫn là khâu yếu kém kéo dài. Chính sách cán bộ chậm đổi mới, chưa hoàn thiện, chưa đủ mạnh để tạo động lực nâng cao về

căn bản chất lượng, hiệu quả công tác, thu hút nhân tài cho Đảng, Nhà nước và xã hội.

Thứ sáu, ý thức dân chủ, ý thức pháp luật và năng lực thực hành dân chủ trong quần chúng còn nhiều hạn chế, thói quen tập quán lạc hậu, tùy tiện, xem nhẹ và coi thường pháp luật vẫn còn khá phổ biến. Đó là một lực cản rất nặng nề đối với dân chủ và dân chủ hóa.

Để tiếp tục đổi mới, đưa sự nghiệp đổi mới vào chiều sâu, cần phải khắc phục những hạn chế yếu kém nói trên.

Trước tình hình đó có thể thực hiện những giải pháp cấp bách để thúc đẩy dân chủ hóa và thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Đó là:

- Những chuyển động dân chủ ở các cơ quan lãnh đạo, quản lý, nhất là đối với các cán bộ chủ chốt có ý nghĩa quan trọng đối với cả tiến trình dân chủ. Do đó phải đặc biệt quan tâm thực hành dân chủ trong các cơ quan có tầm quan trọng chiến lược này, đặc biệt ở các cấp chiến lược, ở đội ngũ cán bộ chiến lược, chủ chốt.

Cần phải đảm bảo tự do thảo luận tranh luận, tìm tòi chân lý, lắng nghe và tôn trọng các ý kiến khác biệt với tinh thần văn hóa dân chủ, văn hóa khoan dung, làm sâu sắc các luận cứ, cân nhắc các khả năng, hình dung rõ các hệ quả để có đủ sáng suốt trí tuệ, dân chủ và trách nhiệm xã hội khi ra các quyết định.

- Cụ thể hóa nội dung, quy tắc, phương pháp giải quyết và các điều kiện đảm bảo cho dân chủ lành mạnh thực chất, xung quanh vấn đề tập trung dân chủ trong Đảng, trong Nhà nước, trong hệ thống chính trị. Đó là quan hệ giữa dân chủ và tập trung. Làm rõ những chuẩn mực thực

hiện và xử lý. Tập trung là điều kiện, là phương thức của dân chủ, còn dân chủ là mục đích, là đảm bảo cho tập trung không rơi vào tập trung quan liêu, độc đoán chuyên quyền, cũng như dân chủ không rơi vào hình thức.

- Luật hóa, thể chế hóa mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

- Xiết chặt kỷ luật, kỷ cương, luật pháp, xử lý nghiêm minh các vi phạm, sai phạm. Đề cao trách nhiệm, chế độ trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ, nhất là với các cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Điều lệ Đảng là bộ luật tối cao của toàn Đảng, mọi đảng viên phải thực hiện nghiêm chỉnh, không có ngoại lệ.

- Thi hành kỷ luật Đảng phải nghiêm khắc, nghiêm minh hơn nữa để nêu cao tác dụng giáo dục trong Đảng và nêu gương trong xã hội.

Đó là những vấn đề bức xúc cần giải quyết, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là một Đảng lãnh đạo và cầm quyền.

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 30)

Trong điều kiện hiện nay, để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng vẻ vang, giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cần tiếp tục tập trung làm tốt các công tác quan trọng đã được Đại hội X của Đảng nêu ra, nhằm tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng thực sự

trong sạch, vững mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của dân tộc ta và nguyện vọng của nhân dân ta. Cụ thể, phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng; kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, trong những năm tới, chúng ta phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tinh tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.1, tr.28

2,4,5,6,7,8. *Sđđ*, T.2, tr.267, 267-268, 280, 268, 268, 260

3. *Sđđ*, T.3, tr.35

9. *Sđđ*, T.5, tr.550

10. *Sđđ*, T.12, tr.557-558.